



TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI

KHOA MÁC - LÊNIN
BỘ MÔN KINH TẾ CHÍNH TRỊ
CAO THỊ TOÀN (CHỦ BIÊN)

KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT



TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI
KHOA MÁC - LÊNIN
BỘ MÔN KINH TẾ CHÍNH TRỊ

CAO THỊ TOÀN (CHỦ BIÊN)

KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC - LÊNIN

(Bài giảng cho sinh viên)



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT
HÀ NỘI

TẬP THỂ TÁC GIẢ

- 1. ThS. GVC. Cao Thị Toàn (Chủ biên)**
- 2. TS. GVC. Trần Lan Hương**
- 3. ThS. Nguyễn Hồng Sơn**
- 4. ThS. Nguyễn Ánh Nga**
- 5. ThS. Ngô Văn**

LỜI NÓI ĐẦU

Kinh tế chính trị học Mác - Lênin là một trong ba bộ phận của chủ nghĩa Mác - Lênin:

- Triết học Mác - Lênin
- Kinh tế chính trị học Mác - Lênin
- Chủ nghĩa cộng sản khoa học

Được giảng dạy và học tập trong tất cả các trường đại học, cao đẳng của Việt Nam nhằm trang bị thế giới quan, phương pháp luận cho sinh viên, góp phần đào tạo nguồn nhân lực cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Nhằm giúp các em sinh viên học tốt môn học này, trên cơ sở bộ giáo trình chuẩn quốc gia và giáo trình Kinh tế chính trị của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ môn Kinh tế chính trị viết cuốn bài giảng môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin cho sinh viên bao gồm các nội dung cơ bản của môn học từ chương 1 đến chương 13, phần bài tập và mẫu đề thi trắc nghiệm.

Mặc dù các tác giả đã có nhiều cố gắng, song khó tránh khỏi những khiếm khuyết. Chúng tôi mong nhận được nhiều ý kiến đóng góp để cuốn sách ngày càng hoàn chỉnh hơn.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Các tác giả

PHẦN THỨ NHẤT

Chương 1

ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP, CHỨC NĂNG CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC – LÊ NIN

1. NỀN SẢN XUẤT XÃ HỘI

1.1. Sản xuất của cải vật chất và vai trò của nó

- Khái niệm: Sản xuất của cải vật chất là quá trình con người tác động vào tự nhiên, biến đổi vật thể tự nhiên cho phù hợp nhu cầu của mình.

- Vai trò:

* Sản xuất của cải vật chất là cơ sở, là điều kiện của sự tồn tại và phát triển của con người và xã hội loài người.

* Nguyên nhân cơ bản trong sự phát triển của nền văn minh nhân loại qua các giai đoạn lịch sử.

* Sản xuất ra của cải vật chất quyết định đời sống tinh thần của xã hội.

1.2. Các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất

- Sức lao động và lao động

* Lao động: Là hoạt động có mục đích có ý thức của con người nhằm tạo ra các sản phẩm phục vụ cho các nhu cầu của đời sống xã hội.

* Sức lao động: Là tổng hợp thể lực và trí lực của con người được sử dụng trong quá trình lao động .

Sức lao động là khả năng của lao động, lao động là sự tiêu dùng sức lao động trong hiện thực

- Đối tượng lao động: là bộ phận của giới tự nhiên mà lao động của con người tác động vào nhằm biến đổi nó theo mục đích của mình.

Gồm:

+ Loại có sẵn trong tự nhiên: khoáng sản trong lòng đất, tôm, cá...

+ Nguyên liệu: Những cái đã qua lao động chế biến.

- *Tư liệu lao động*: Là một vật hay hệ thống những vật làm nhiệm vụ truyền dẫn sự tác động của con người tới đối tượng lao động, nhằm biến đổi đối tượng lao động thành sản phẩm đáp ứng yêu cầu của con người

Gồm có:

- + Công cụ lao động: trực tiếp tác động vào đối tượng lao động.
- + Bộ phận phục vụ trực tiếp hoặc gián tiếp cho quá trình sản xuất như nhà xưởng, kho tàng, giao thông vận tải và thông tin...

Trong tư liệu lao động thì công cụ lao động giữ vai trò quyết định đến năng suất lao động, chất lượng sản phẩm.

Tư liệu lao động kết hợp với đối tượng lao động gọi là tư liệu sản xuất.

Quá trình sản xuất là quá trình kết hợp của ba yếu tố sản xuất cơ bản nói trên theo công nghệ nhất định. Trong đó sức lao động giữ vai trò là yếu tố chủ thể còn đối tượng lao động và tư liệu lao động là khách thể của quá trình sản xuất.

1.3. Hai mặt của nền sản xuất

a) *Lực lượng sản xuất là: toàn bộ những năng lực sản xuất của một quốc gia ở một thời kỳ nhất định*

- Lực lượng sản xuất gồm:
 - + Người lao động
 - + Tư liệu sản xuất
 - + Khoa học là lực lượng sản xuất trực tiếp
- Đặc điểm: + luôn biến đổi
 - + có tính kế thừa

b) *Quan hệ sản xuất*

- QHSX là quan hệ giữa người và người trong quá trình sản xuất ra của cải vật chất xã hội.

- + Quan hệ về sở hữu các TLSX chủ yếu của xã hội.
- + Quan hệ về tổ chức, quản lý sản xuất.
- + Quan hệ về phân phối sản phẩm xã hội.
- Đặc điểm so với LLSX, QHSX biến đổi chậm.

c) *Sự thống nhất và tác động qua lại giữa LLSX và QHSX*

- LLSX quyết định QHSX trên các mặt:

- + Hình thức của QHSX.
- + Sự biến đổi của QHSX.
- QHSX tác động trở lại LLSX: theo hai hướng:
 - + QHSX thúc đẩy LLSX phát triển khi QHSX phù hợp với tính chất và trình độ của LLSX.
 - + QHSX kìm hãm LLSX phát triển khi QHSX không phù hợp với tính chất và trình độ của LLSX.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ

2.1. Đối tượng của kinh tế chính trị

- Đối tượng của KTCT: KTCT là một môn khoa học xã hội nghiên cứu những cơ sở kinh tế chung của đời sống xã hội, tức là các quan hệ sản xuất, quan hệ kinh tế trong những giai đoạn phát triển nhất định của xã hội loài người. Như vậy đối tượng của KTCT là:

- Nghiên cứu QHSX trong những giai đoạn lịch sử nhất định;
- Trong mối quan hệ với LLSX;
- Trong mối quan hệ với KTTT.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

a) Phương pháp luận của KTCT

- Phương pháp luận của KTCT là: khoa học về các phương pháp nghiên cứu hiện tượng và quá trình kinh tế. Nó đưa ra quan điểm chung đối với nghiên cứu, nhận thức thực tiễn khách quan trên một cơ sở triết học thống nhất

- KTCT học áp dụng phương pháp duy vật biện chứng: xem xét các hiện tượng và quá trình kinh tế trong mối liên hệ phụ thuộc lẫn nhau, phủ định và kế thừa, vận động và phát triển không ngừng. Sự phát triển là kết quả của quá trình tích lũy về lượng, dẫn đến sự thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập

b) Phương pháp nghiên cứu của KTCT:

- *Phương pháp trừu tượng hoá khoa học*: là sự gạt bỏ khỏi đối tượng nghiên cứu những cái ngẫu nhiên, tạm thời, cá biệt và tìm ra được những cái bền vững, ổn định, điển hình.

- *Phương pháp phân tích tổng hợp*: Phân chia các hiện tượng nghiên cứu thành những bộ phận cấu thành một cách riêng biệt. Từ đó, bằng cách tổng hợp kinh tế tái hiện chúng thành một bức tranh thống nhất toàn vẹn.

- *Phương pháp lịch sử và logic*: nghiên cứu bản chất các hiện tượng và quá trình nghiên cứu theo trình tự liên tục mà chúng xuất hiện trong đời sống xã hội, phát triển và thay thế lẫn nhau.

2.3. Quy luật kinh tế

a) Khái niệm: Quy luật kinh tế là những mối quan hệ nhân quả, tất yếu, bản chất, và thường xuyên lặp đi lặp lại trong những hiện tượng và quá trình kinh tế khách quan.

+ Quy luật kinh tế có tính khách quan ra đời và phát huy tác dụng không phụ thuộc vào ý trí của con người.

+ Cần nhấn mạnh tính khách quan của quy luật. Tránh tình trạng chủ quan, duy ý trí để nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội của các hoạt động kinh tế.

b) Hệ thống quy luật kinh tế của một PTSX

+ Quy luật kinh tế chung: hoạt động trong nhiều phương thức sản xuất xã hội như quy luật QHSX phù hợp với tính chất và trình độ của LLSX...

+ *Quy luật kinh tế đặc thù*: quy luật kinh tế riêng của mỗi phương thức sản xuất.

c) Đặc điểm hoạt động của quy luật kinh tế

* Các quy luật kinh tế hoạt động thông qua hoạt động của con người, hoặc một nhóm người trong xã hội.

* Các quy luật kinh tế hoạt động thông qua các phạm trù kinh tế cụ thể.

* Đa số các quy luật kinh tế có tính lịch sử.

d) Cơ chế vận dụng quy luật kinh tế

Cơ chế vận dụng quy luật kinh tế gồm các khâu:

- Nhận thức quy luật.

- Đề ra các mục tiêu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

- Lựa chọn các hình thức kinh tế phù hợp, nhằm hướng các quy luật kinh tế phục vụ các mục tiêu đã nêu ra.

- Tổ chức hoạt động kinh tế của con người.

3. Chức năng và ý nghĩa của việc nghiên cứu kinh tế chính trị Mác – Lênin

3.1. Chức năng của kinh tế chính trị

3.1.1. Chức năng nhận thức

3.1.2. Chức năng thực tiễn